

Số: /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 818/TTr-TNMT ngày 15 tháng 11 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 3.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức Chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, KTTH, NC, KTN, TKCT;
- + Trung tâm Thông tin (đăng tải);
- + Lưu: VT, TN<sub>SN</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

**QUY CHẾ**

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**  
*(Kèm theo Quyết định số ... /2021/QĐ-UBND ngày ... tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; việc phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang bao gồm:

1. Thông tin, dữ liệu về đất đai:

a) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính;

b) Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường, hỗ trợ tái định cư;

- c) Thống kê, kiểm kê đất đai;
- d) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- đ) Giá đất và bản đồ giá đất;
- e) Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước:

- a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;
- b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
- c) Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;
- d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;
- đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng;

- e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước;
- g) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước;
- h) Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

3. Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản:

a) Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Báo cáo địa chất);

b) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

c) Hồ sơ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;

d) Kết quả thống kê, kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

4. Thông tin, dữ liệu về môi trường:

a) Báo cáo hiện trạng môi trường các cấp;

b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; Danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong

tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách Đỏ Việt Nam;

c) Quy hoạch môi trường; Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học;

d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm;

đ) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

g) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

h) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;

i) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới;

k) Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

l) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

5. Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn:

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, hải văn;

b) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ nước ngoài, cơ quan, tổ chức quốc tế;

c) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

d) Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;

e) Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

g) Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

6. Thông tin, dữ liệu về đo đạc và bản đồ:

a) Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia;

b) Hệ thống không ảnh;

c) Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỉnh; cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình tỉnh;

d) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính các cấp;

đ) Bản đồ hành chính các cấp;

e) Dữ liệu địa danh;

g) Thông tin, dữ liệu về: Mạng lưới đo đạc chuyên dụng; hệ thống không ảnh chuyên dụng; sản phẩm bản đồ công trình ngầm; sản phẩm bản đồ hàng không; sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng; sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chuyên đề khác.

7. Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu:

a) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính;

b) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến hoạt động tự nhiên, kinh tế - xã hội;

c) Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-dôn, bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

d) Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ.

8. Thông tin, dữ liệu về viễn thám:

a) Thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thám;

b) Dữ liệu viễn thám;

c) Dữ liệu quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường bằng viễn thám;

d) Sản phẩm ảnh viễn thám;

đ) Siêu dữ liệu viễn thám;

e) Bản đồ chuyên đề từ ảnh viễn thám.

9. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

10. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

11. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

12. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.

**Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

**Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Kinh phí thu thập, xử lý, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội.

2. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

3. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

**Chương II**

**THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 6. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng**

1. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

a) Thu thập, tập hợp, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với các thông tin, dữ liệu trực tiếp quản lý, lưu trữ và cung cấp;

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp;

d) Cung cấp, cập nhật vào danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 7. Lập, phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Việc lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải đảm bảo thông tin, dữ liệu được thu thập, cập nhật chính xác, đầy đủ, có hệ thống, không trùng lặp, chồng chéo, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất) trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch dự kiến.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của đơn vị đề dự thảo kế hoạch và chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

**Điều 8. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm được phê duyệt của đơn vị mình.

3. Việc điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.



4. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập thông tin, dữ liệu phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

5. Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Các hình thức thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

- a) Yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, tiếp nhận thông tin, dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân theo quy định;
- b) Quan trắc, điều tra, khảo sát;
- c) Nghiên cứu, dự báo;
- d) Tổng hợp, tạo lập thông tin, dữ liệu và các hình thức khác.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, số hoá thông tin, dữ liệu thu thập được và các thông tin, dữ liệu khác từ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định.

8. Quy trình thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT.

#### **Điều 9. Kiểm tra, đánh giá xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, xử lý, đánh giá khả năng khai thác, sử dụng. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy chuẩn kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phân loại, tổng hợp, xử lý, đánh giá thông tin, dữ liệu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu của mình. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu cấp tỉnh khi tiếp nhận, thu thập vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

3. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập được phải biên tập, chỉnh sửa, sắp xếp bảo đảm tính chính xác, tin cậy, thống nhất, an toàn của thông tin, dữ liệu.

#### **Điều 10. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để thu thập, tạo lập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất) một (01) bộ thông tin, dữ liệu dạng giấy (bản chính, bản gốc) và một (01) bộ thông tin, dữ liệu dạng số (lưu trên đĩa CD, DVD, đĩa cứng, thiết bị nhớ USB) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu do mình giao nộp.

Các tổ chức, cá nhân có dữ liệu phải giao nộp có văn bản thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất) trước 05 ngày làm việc để chuẩn bị các điều kiện tiếp nhận thông tin, dữ liệu.

2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp hoặc Giấy xác nhận giao nộp thông tin, dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất) là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Các tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất) để xây dựng, cập nhật danh mục thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng.

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thu nhận, tạo lập, cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; cung cấp, hiến tặng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất) để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **Điều 11. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý bao gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu đất đai;
- b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước;
- c) Cơ sở dữ liệu môi trường;
- d) Cơ sở dữ liệu địa chất và khoáng sản;
- đ) Cơ sở dữ liệu nền địa lý và đo đạc bản đồ;
- e) Cơ sở dữ liệu về viễn thám;
- g) Cơ sở dữ liệu kho tư liệu tài nguyên và môi trường;
- h) Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;
- i) Cơ sở dữ liệu về kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;
- k) Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường;
- l) Cơ sở dữ liệu về hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường;
- m) Cơ sở dữ liệu về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh phải phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

5. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

6. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

### **Điều 12. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

### **Điều 13. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Dữ liệu thu thập phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường giao Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang.

### **Điều 14. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin**

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án, thực hiện kiểm tra, đánh giá, bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

## **Chương IV**

### **CÔNG BỐ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

#### **Điều 15. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang, Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, xuất bản phẩm, xuất bản phẩm điện tử. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng trước ngày 15 tháng 12 hàng năm; gửi danh mục (cập nhật theo năm) thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp chung.

### **Điều 16. Hình thức Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang, Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc kết nối, truy cập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang, Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc kết nối, truy cập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu.

b) Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu, yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu.

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu căn cứ danh mục thông tin, dữ liệu hiện có, lập phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu (theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

Trường hợp đặc biệt cung cấp dữ liệu phục vụ cho các mục đích quốc phòng, an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, phục vụ yêu cầu của các đoàn thanh tra, kiểm toán hoặc trong tình trạng khẩn cấp, đơn vị quản lý tài liệu lưu trữ về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Quy trình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 73/2017/NĐ - CP.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội giữa cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 17. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định; mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu; không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

### **Điều 18. Thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh : cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường chứa bí mật nhà nước độ Tuyệt mật.

2. Người có thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường chứa bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

- a) Người quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Người đứng đầu sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương.
- c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

3. Người có thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường Mật:

- a) Người quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Giám đốc Trung tâm lưu trữ và Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; trưởng phòng của UBND cấp huyện và tương đương.

4. Người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Việc ủy quyền được thực hiện thường xuyên hoặc theo từng trường hợp cụ thể và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn ủy quyền. Cấp phó được ủy quyền cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường chứa bí mật nhà nước phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước cấp trưởng, trước pháp luật và không được ủy quyền tiếp cho người khác.

5. Giám đốc Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép cung cấp dữ liệu ngoài các dữ liệu đã quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này. Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố cho phép cung cấp dữ liệu thuộc chức năng nhiệm vụ.

## **Chương V**

### **KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG**

**Điều 19. Nguyên tắc và sự phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện**

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện; giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

4. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý với các bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

**Điều 20. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử**

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và có trách nhiệm:

a) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tiến hành điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm;

c) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ban, ngành;

d) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định;



đ) Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ, tra cứu, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đáp ứng theo yêu cầu tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT;

e) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

g) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

i) Ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

3. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ, bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, hướng dẫn việc xây dựng, kết nối, vận hành các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phù hợp với khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang và kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn đồng bộ, tương thích, truy cập, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

5. Các sở, ban, ngành khác:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ của mình lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật; đề xuất các hoạt động nhiệm vụ thu thập, cập nhật gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Đồng thời thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do cơ quan đang quản lý;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc lĩnh vực phụ trách.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn về Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất) hàng năm theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn; cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu đồng thời cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất) theo quy định;

d) Bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập.

**Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, khai thác, sử dụng và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này.

b) Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.

c) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.

d) Trả phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

e) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

g) Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

h) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

2. Tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

a) Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

c) Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

d) Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

### **Điều 23. Quy định chuyển tiếp**

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau đây:

1. Đối với các nội dung công việc, nhiệm vụ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được tiếp tục thực hiện theo thời hạn đã xác định của nội dung, nhiệm vụ, sau thời hạn này tuân thủ theo quy định của Quy chế này.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu thì cơ quan quản lý xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Quy chế này.

### **Điều 24. Điều khoản thi hành**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo yêu cầu tại Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ -UBND ngày tháng 12 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Mẫu số 01	Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 02	Mẫu văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 03	Mẫu phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 04	Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 05	Báo cáo tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

**TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP  
THÔNG TIN, DỮ LIỆU  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tên tổ chức/cá nhân: .....

Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức): .....

Số CMTND/Căn cước công dân, ngày, nơi cấp (đối với cá nhân): .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Thực hiện Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Tên tổ chức/cá nhân) thông báo về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đang lưu trữ và thực hiện cung cấp như sau:

TT	Danh mục thông tin, dữ liệu cung cấp	Mô tả về thông tin, dữ liệu	Nguồn gốc thông tin, dữ liệu

Chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....  
.....  
Số CMTND/Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân): .....  
.....
  2. Địa chỉ: .....
  3. Số điện thoại, fax, E-mail: .....
  4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp: .....  
.....  
.....
  5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu: .....
  6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (mượn, xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...): .....  
.....
  7. Thời gian khai thác: .....
  8. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu: .....  
.....
- (Văn bản số: ..... )  
..... )

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP  
THÔNG TIN, DỮ LIỆU<sup>1</sup>**

<sup>1</sup>Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu: .....
- .....
2. Nơi đang làm việc, học tập: .....
- .....
3. Quốc tịch, Số Hộ chiếu: .....
4. Số điện thoại, fax, E-mail: .....
5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu yêu cầu cung cấp: .....
- .....
- .....
6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu: .....
- .....
- .....
7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...): .....
8. Cam kết của người yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu: .....
- .....

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC**  
**NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP**  
(Ký xác nhận, đóng dấu)

**NGƯỜI YÊU CẦU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**HỢP ĐỒNG**  
**CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU**  
**TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số: ...../HĐ.....

*Căn cứ Bộ luật dân sự;*

*Căn cứ .....*

*Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,*

Hôm nay, ngày.... tháng .... năm ....., tại ....., chúng tôi gồm:

**1. Bên cung cấp thông tin, dữ liệu (Bên A):**

Đại diện: ..... Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại ..... Fax: ..... Email: .....

Số tài khoản: .....

**2. Bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu (Bên B):**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Đại diện: ..... Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại ..... Fax: ..... Email: .....

Số tài khoản: .....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu như sau:

**Điều 1. Nội dung hợp đồng:**

*(Về việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu)*

.....  
.....  
.....

**Điều 2. Thời gian thực hiện:**

..... ngày, kể từ ngày ..... tháng..... năm .....



**Điều 3.** Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng: .....
- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập: .....
- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu: .....
- Nhận gửi qua đường bưu điện: .....

**Điều 4.** Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Tổng giá trị hợp đồng:..... đồng

(Bằng chữ:.....đồng)

Trong đó:

- Tiền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:.....đồng
- Tiền dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu là:..... đồng
- Số tiền đặt trước:..... đồng

Hình thức thanh toán (*tiền mặt, chuyển khoản*):.....

**Điều 5.** Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

.....  
 .....

**Điều 6.** Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

.....

**Điều 7.** Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành ..... bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ ..... bản, bên B giữ ..... bản.
2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày .....

**BÊN B**

(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức, ghi họ tên  
 đối với cá nhân)

**BÊN A**

(Ký tên, đóng dấu)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### **BÁO CÁO**

**Tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

(Năm ...../từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm....)

1. Tên tổ chức/cá nhân: .....

Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức): .....

Số CMTND/Căn cước công dân, ngày, nơi cấp (đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

4. Các thông tin, dữ liệu đã cung cấp: .....

<b>TT</b>	<b>Nội dung, phạm vi, khối lượng thông tin, dữ liệu</b>	<b>Tổ chức/cá nhân được cung cấp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Kinh phí cung cấp</b>	<b>Ghi chú</b>

(Tên tổ chức/cá nhân) xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung báo cáo này./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;
- ...;
- Lưu: ...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký tên/đóng dấu)